

# Tiêu Đề Đề Mục Trong Công Tác Biên Mục Và Hệ Thống LCSH

Lâm Vĩnh Thế  
Librarian Emeritus  
Đại Học Saskatchewan  
CANADA

## Tiến Trình Chuẩn Hóa Nghiệp Vụ Thư Viện Tại Việt Nam

Người viết bài viết này và một số thành viên khác của Hội LEAF-VN (The Library Education and Assistance Foundation for Vietnam; độc giả có thể truy cập trực tuyến trang nhà của LEAF-VN tại URL sau đây: <http://www.leaf-vn.org>) không những không xa lạ với tiến trình chuẩn hóa nghiệp vụ thư viện tại Việt Nam, mà, trên thực tế, còn đã có những đóng góp cụ thể và quan trọng vào tiến trình này. Năm 1998, khi đang đảm nhận chức vụ Trưởng Ban Biên Mục của Đại Học Saskatchewan, Canada, người viết đã về Hà Nội tham dự hội nghị quốc tế *10<sup>th</sup> International Conference on New Information Technology*. Tuy hội nghị đã bị hủy bỏ vào giờ chót vì lý do kỹ thuật, một khóa hội thảo trọn ngày cũng đã được tổ chức tại Thư Viện Quốc Gia và người viết đã có cơ hội thuyết trình tại khóa hội thảo này với đề tài: *“Vấn đề phát triển thư viện tại Việt Nam : chuẩn hóa là điều khẩn thiết nhất.”*<sup>1, 2</sup> Sau đó, người viết đã tiếp tục thảo luận về vấn đề này trong một bài báo đăng trong tạp chí *Asian Libraries*.<sup>3</sup> Trong bài thuyết trình tại Hà Nội cũng như trong bài viết này, người viết đều đề cập đến sự khẩn thiết phải chuẩn hóa và nêu rõ các chuẩn cần phải được thực hiện là AACR2, MARC, và Library of Congress Subject Headings (LCSH). Người viết cũng đã viết thêm một bài báo cổ vũ và nêu rõ sự cần thiết phải thành lập một hội thư viện cho Việt Nam để lãnh đạo và hỗ trợ cho công cuộc chuẩn hóa này.<sup>4</sup> Tám năm sau, Hội Thư Viện Việt Nam đã được chính thức thành lập vào ngày 22-10-2006. Do quyết định của Hội LEAF-VN, người viết và Cô Phạm Thị Lệ-Hương đã chuyển ngữ sang tiếng Việt cuốn *The Concise AACR2* của tác giả Michael Gorman. Tác giả Michael Gorman, Giám đốc hệ thống thư viện của Đại Học Tiểu Bang California, Fresno, hết lòng ủng hộ và viết Lời Giới Thiệu, và ông Phạm Thế Khang, Giám Đốc Thư Viện Quốc Gia, đã viết Lời Tựa cho dịch phẩm này. Hội LEAF-VN đã ấn hành dịch phẩm này và 1800 bản đã được chuyển về tặng cho cộng đồng thư viện tại Việt Nam trong năm 2003. Mùa Hè năm 2004, ba khóa tập huấn về AACR2 đã được tổ chức tại Việt Nam, 2 khóa tại Hà Nội (1 tại TVQG và 1 tại Đại học QG) và 1 khóa tại Thành phố Hồ Chí Minh; giảng viên là hai thành viên của hội LEAF-VN, Cô Phạm Thị Lệ-Hương và Bà Ngọc Mỹ Guidarelli.<sup>5</sup> Ở trong nước, các cấp lãnh đạo ngành thư viện – thông tin cũng đã rất tích cực trong tiến trình chuẩn hóa này với việc chuyển ngữ sang tiếng Việt của chuẩn MARC 21<sup>6</sup> và hệ thống phân

loại thập phân Dewey.<sup>7</sup> Trong thời gian một thập niên, 1998-2008, Việt Nam đã cơ bản hoàn thành những bước căn bản nhất cho việc chuẩn hóa nghiệp vụ thư viện trong cả nước. Tuy vậy, theo tác giả Nguyễn Minh Hiệp thì hiện nay trong nước đã và đang “*sử dụng những chuẩn: MARC, DDC, AACR2 mà ta gọi là “kiềng ba chân” làm cơ sở cho việc phát triển nghiệp vụ thư viện. Tuy nhiên, còn một chân nữa là SUBJECT HEADINGS và đây là một VẤN ĐỀ LỚN mà chúng ta cần phải giải quyết.*”<sup>8</sup> Và thêm một lần nữa các nhà lãnh đạo ngành thư viện – thông tin trong nước đã cùng chung sức với nhau để giải quyết “*vấn đề lớn*” này.

Sau Khóa Hội Thảo “*Thống nhất công việc định chủ đề và biên soạn Khung tiêu đề đề mục,*” (sau đây sẽ viết tắt là TĐĐM) do Liên Chi Hội Thư Viện Đại Học Phía Nam (VILASAL) tổ chức tại Đà Nẵng vào tháng 5-2008, Hội Thư Viện Việt Nam (sau đây sẽ viết tắt là HTVVN) và Thư Viện Quốc Gia (sau đây sẽ viết tắt là TVQG) phối hợp với Vụ Thư Viện sẽ tổ chức vào cuối tháng 11-2008 tới đây một khoá hội thảo toàn quốc về vấn đề TĐĐM mà mục tiêu chính là nhằm tiến đến việc ấn hành một bộ TĐĐM để dùng chung cho cả nước. Đây là những bước tiến vô cùng quan trọng trong tiến trình chuẩn hóa nghiệp vụ thư viện cho Việt Nam. Bài viết này được thực hiện để đóng góp vào khóa hội thảo toàn quốc vừa đề cập đến.

### **Tâm Quan Trọng Của Công Tác Biên Mục**

Với những tiến bộ về công nghệ thông tin ngoài sức tưởng tượng trong hai thập niên vừa qua, mà đa số đã được áp dụng vào trong công tác thư viện (tự động hóa các khâu công tác thư viện, biên mục tại tuyến, mục lục trực tuyến, thư viện số, mạng INTERNET, vv.), càng ngày càng có nhiều người làm công tác thư viện cũng như người sử dụng thư viện (sau đây sẽ gọi là độc giả cho ngắn gọn) có khuynh hướng xem thường công tác biên mục. Trong giới chuyên viên thư viện, những người làm việc trong các bộ phận công cộng, phục vụ độc giả trực tiếp, được coi trọng hơn những chuyên viên biên mục. Họ cũng được độc giả tôn vinh vì họ trực tiếp giúp độc giả tìm được những tài liệu hay thông tin mà độc giả cần. Họ hưởng tất cả “*hào quang tán thưởng*” mà độc giả dành cho thư viện. Phần lớn độc giả chẳng bao giờ biết đến công việc của người biên mục viên. Biên mục viên đúng là “*những anh hùng vô danh*” (unsung heroes). Hiện tượng coi thường công tác biên mục trong hàng ngũ những nhà quản trị thư viện (library administrators) cũng là một hiện tượng phổ biến. Tại Bắc Mỹ hiện nay càng ngày càng có nhiều thư viện đại học dẹp bỏ hẳn ban biên mục (Cataloging Department) trong bộ phận về công tác kỹ thuật (Technical Services Division), và áp dụng lối biên mục tại ngoại (Cataloging Outsourcing), nghĩa là giao cho các công ty tư nhân bên ngoài thư viện làm biên mục cho họ. Tác giả bài viết này đã thực hiện một cuộc nghiên cứu về vấn đề biên mục tại ngoại vào niên khóa 2003-2004, và nhận thấy là số thư viện đại học tại Hoa Kỳ và Canada áp dụng lối biên mục tại ngoại đã tăng từ 33 năm 1997 lên đến 53 vào năm 2003.<sup>9</sup> Hiện tượng

này, thật ra, chỉ là một sự tự “đánh lừa” của các nhà quản trị thư viện mà thôi, vì trên thực tế công tác biên mục vẫn phải được thực hiện, nhưng thay vì do chính cán bộ biên mục của thư viện làm thì họ đưa ra bên ngoài cho các công ty tư nhân làm theo lối gia công (và những người làm biên mục cho các công ty này thật ra cũng đều là những biên mục viên chuyên nghiệp có bằng Thạc sĩ về ngành thông tin – thư viện). Việc quyết định áp dụng lối biên mục tại ngoại đáp ứng được yêu cầu của những nhà quản trị thư viện trong việc đối phó với tình hình ngân sách ngày càng khó khăn (vì làm biên mục theo lối tại ngoại ít tốn kém hơn rất nhiều so với việc làm biên mục trong thư viện), nghĩa là một quyết định mang tính kinh tế nhiều hơn là nghiệp vụ. Để bảo đảm cho phẩm chất của mục lục phần lớn các thư viện đại học ở Bắc Mỹ hiện đang theo lối biên mục tại ngoại này đều có tổ chức việc kiểm phẩm (quality control) trong nội bộ thư viện.

Thật ra, công tác biên mục là **“công việc mang tính nghiệp vụ cao nhất của cán bộ thư viện.”**<sup>10</sup> Thành quả cụ thể của công tác biên mục là mục lục của thư viện, dù cho mục lục đó là mục lục phiếu truyền thống hay mục lục điện tử trực tuyến hiện đại. Và gần như tất cả các công tác của thư viện đều phải dựa vào nó. Người làm công tác bổ sung trước khi quyết định thủ đắc cho thư viện một tài liệu do độc giả yêu cầu đều phải tra cứu trong mục lục xem thư viện đã có tài liệu đó chưa. Người làm công tác tham khảo khi làm việc trực tiếp với độc giả cũng phải sử dụng mục lục. Và dĩ nhiên độc giả thì luôn luôn phải tra cứu mục lục để tìm tài liệu mà họ cần đến trong việc giải trí, học tập, giảng dạy, hay nghiên cứu của họ. Và, như mọi người đều biết, trong công nghệ thông tin người ta thường dùng cụm từ chữ tắt **“GIGO = Garbage In Garbage Out,”** đầu vô thế nào thì đầu ra thế ấy, nghĩa là cung cấp thông tin sai, thì khi tìm kết quả sẽ sai. Mục lục của thư viện cũng không thể đi ra ngoài nguyên tắc này. Vì thế muốn bảo đảm được phẩm chất cho mục lục thì công tác biên mục phải được thực hiện tốt, nghĩa là phải được thực hiện bởi những biên mục viên chuyên nghiệp được huấn luyện đàng hoàng, đầy đủ. Từ đó ta thấy rõ **“sự cần thiết phải đào tạo chính qui và bài bản các cán bộ phụ trách thiết lập tiêu đề đề mục trong các thư viện.”**<sup>11</sup>

## **Biên Mục Mô Tả Và Biên Mục Đề Mục**

Công tác biên mục gồm hai phần khác hẳn nhau: biên mục mô tả (Descriptive Cataloging), và biên mục đề mục (Subject Cataloging). Phần mô tả, hiện nay đặt cơ sở trên chuẩn AACR2 đã được tu chính (Anglo-American Cataloging Rules, 2<sup>nd</sup> Edition, Revised), được thực hiện nhằm cung cấp cho độc giả đầy đủ những thông tin về hình thức của tài liệu như tên tác giả, nhan đề tài liệu, chi tiết về xuất bản, về ấn bản, số tiêu chuẩn quốc tế, số trang, v.v..., tức là những chi tiết về **“bề ngoài”** của tài liệu, có thể giúp độc giả **“nhận diện = identify”** được một tài liệu trong hàng loạt tài liệu tương tự. Công tác này, nếu biên mục viên đã công tác lâu năm có nhiều kinh nghiệm, có thể được thực hiện trong vòng 10-15 phút. Phần đề mục, hiện nay đặt cơ

sở trên một số chuẩn khác nhau tùy theo loại hình thư viện, nhưng quan trọng nhất là *Library of Congress Subject Headings* (sau đây sẽ gọi tắt là LCSH), được thực hiện nhằm cung cấp cho độc giả thông tin đầy đủ về nội dung của tài liệu, tức là những chi tiết về “*bề trong*” của tài liệu, có thể giúp độc giả “*lựa chọn = select*” được một tài liệu trong hàng loạt tài liệu có nội dung tương tự. Công tác này, ngay cả đối với một biên mục viên đã làm việc lâu năm và có nhiều kinh nghiệm, phải mất rất nhiều thời gian hơn là công tác mô tả, vì biên mục viên bắt buộc phải đọc kỹ mục lục tài liệu, lời nói đầu, lời giới thiệu, lời bạt, và đôi khi ngay cả một số chương của tài liệu. Biên mục viên cũng phải tra cứu lại mục lục đề mục của thư viện, xem lại các TĐĐM đã ấn định cho các tài liệu có nội dung tương tự để thực hiện sự nhất quán cho mục lục đề mục.

Cũng cần phải phân biệt rõ giữa công tác biên mục đề mục và công tác phân loại (Classification). Công tác phân loại chủ yếu là “*xác định chủ đề chính của tài liệu để định hướng phân loại,*”<sup>12</sup> tiến đến việc chọn ra một con số (hay ký hiệu) thích hợp trong hệ thống (hay khung) phân loại mà thư viện sử dụng, và dùng con số này cộng thêm với số tác giả và năm xuất bản để làm thành ký hiệu xếp giá cho tài liệu. Mỗi một tài liệu chỉ có một ký hiệu xếp giá mà thôi. (Xem thêm bài viết của tác giả Phạm Thị Lệ-Hương “*Số Dewey, số Cutter, số tác phẩm, số hiệu là gì ?*”)<sup>13</sup> Do đó công tác phân loại thường được xem như là cung cấp phương pháp truy cập nội dung của tài liệu theo lối một đường thẳng (linear approach), chỉ đưa độc giả đến một điểm trên con đường thẳng đó. Vì thế khi phân loại một tài liệu trong đó tác giả đề cập đến nhiều đề tài khác nhau thì phân loại viên phải quyết định xem đề tài nào là chủ đề để chọn số phân loại cho chủ đề đó và hy sinh các đề tài còn lại. Công tác biên mục đề mục thì khác hẳn; tài liệu bao gồm bao nhiêu đề tài thì biên mục viên có thể ấn định bấy nhiêu TĐĐM (trong thực tế ngày xưa, khi mục lục vẫn còn là mục lục phiếu truyền thống, các thư viện đều theo lề lối thực hành của Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ là chỉ ấn định tối đa một số TĐĐM nào đó cho một tài liệu mà thôi). Do đó công tác biên mục đề mục thật sự cung cấp phương pháp truy cập nội dung tài liệu theo lối đa chiều (multi-dimensional approach), vì nó giúp độc giả thấy được nội dung đa dạng của tài liệu.

### **Các Nguyên Tắc Thiết Lập Tiêu Đề Đề Mục Của LCSH**

Một trong những chức năng quan trọng của mục lục là giúp độc giả tìm ra được những tài liệu về một đề tài. Điều này được ghi rõ trong tài liệu của IFLA (International Federation of Library Associations and Institutions) về các nguyên tắc biên mục, ở đoạn 3.2.1:

#### ***3. Các chức năng của mục lục***

##### ***3.1.2. định được vị trí của những tập hợp tài liệu tiêu biểu cho [ ... ] tất cả những tài liệu về một đề tài nào đó***<sup>14</sup>

Để có thể giúp cho mục lục thực hiện được chức năng này, các TĐĐM phải được thực hiện một cách nhất quán theo một số nguyên tắc chỉ đạo đầy đủ và rõ ràng. IFLA đề ra tất cả 9 nguyên tắc thiết lập và 2 nguyên tắc ứng dụng như sau:

- nguyên tắc về tiêu đề đồng nhất (Uniform Heading Principle)
- nguyên tắc về từ đồng nghĩa (Synonymy Principle)
- nguyên tắc về từ đồng âm dị nghĩa (Homonymy Principle)
- nguyên tắc về cách gọi tên (Naming Principle)
- nguyên tắc về ngữ nghĩa (Semantic Principle)
- nguyên tắc về cấu trúc (Syntax Principle)
- nguyên tắc về nhất quán (Consistency Principle)
- nguyên tắc về tài liệu / sưu tập (Literary Warrant Principle)
- nguyên tắc về người sử dụng (User Principle)
- nguyên tắc (ứng dụng) về chính sách chỉ mục đề mục (Subject Indexing Policy Principle)
- nguyên tắc (ứng dụng) về tiêu đề đặc thù (Specific Heading Principle) <sup>15</sup>

Thật ra đây chỉ là những khía cạnh tán rộng ra của 7 nguyên tắc chính sau đây đã được các cấp lãnh đạo về biên mục của Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ phát triển dần dà trong suốt lịch sử hơn 100 năm của thư viện này khi họ xây dựng hệ thống TĐĐM (LCSH) của họ :

- nguyên tắc về người sử dụng và thói quen sử dụng (The User and Usage)
- nguyên tắc về tài liệu / sưu tập (Literary Warrant)
- nguyên tắc về tiêu đề đồng nhất (Uniform Heading)
- nguyên tắc về tiêu đề độc nhất (Unique Heading)
- nguyên tắc về tiêu đề đặc thù (Specific Entry and Coextensivity)
- nguyên tắc về nhất quán nội tại (Internal Consistency)
- nguyên tắc về ổn định (Stability) <sup>16</sup>

Trong số 7 nguyên tắc vừa kể trên, 3 nguyên tắc sau đây là quan trọng nhất:

### 1. Nguyên Tắc Về Người Sử Dụng và Thói Quen Sử Dụng (The User and Usage)

(Phần trình bày sau đây về các Nguyên tắc thiết lập TĐĐM, các Tiêu phân mục, và Hệ thống tham chiếu của LCSH, cũng như các thí dụ để minh họa đều dựa vào quyển sách của tác giả Lois Mai Chan, “**Library of Congress Subject Headings : Principles and Application,**” ấn bản lần thứ 4, do nhà xuất bản Libraries Unlimited ấn hành năm 2005; số trang trích dẫn sẽ được ghi rõ cho các thí dụ tại từng phần của bài viết)

Nguyên tắc này là nguyên tắc **chủ đạo** trong toàn bộ hệ thống LCSH. Độc giả và thói quen sử dụng ngôn ngữ của họ phải là mối quan tâm hàng đầu cho thư viện

khi thiết lập TĐĐM. Tiện nghi cho độc giả phải được xếp ưu tiên hơn tiện nghi cho biên mục viên. Đây là một nguyên tắc rất dễ được chấp nhận nhưng rất khó trong việc thực hiện. Lý do chính là phải trả lời câu hỏi: “**Độc giả là người như thế nào ?**” Độc giả có thể đủ hạng người trong xã hội: trẻ con, người lớn, người có trình độ học vấn cao, người học thấp, nhà giáo, nhà khoa học, nghệ sĩ, nhà văn, v.v... Từ khi có việc tự động hóa các khâu công tác, thư viện đã có khả năng tìm hiểu về độc giả nhiều hơn; rất nhiều cuộc nghiên cứu về độc giả đã được thực hiện từ thập niên 1980 sau khi mục lục trực tuyến ra đời. Những kết quả nghiên cứu quan trọng là: 1) Đa số độc giả sử dụng mục lục trực tuyến để tìm tài liệu theo đề tài; và 2) Đa số gặp khó khăn khi tìm tài liệu theo đề tài với mục lục trực tuyến. Những kết quả nghiên cứu này rất có ích cho việc thiết kế giao diện cho mục lục trực tuyến. Về thói quen sử dụng ngôn ngữ thì mọi người đều đồng ý là phải theo cách sử dụng ngôn ngữ thông thường và đương thời (common usage / current usage) nghĩa là nên chọn những từ ngữ thường dùng của mọi người. Ta sẽ thấy nguyên tắc này được triệt để áp dụng cùng với Nguyên Tắc Về Tiêu Đề Đồng Nhất trong việc thiết lập TĐĐM.

## 2. Nguyên Tắc Về Tài Liệu / Sưu Tập (Literary Warrant)

Nguyên tắc này đã được các nhà lãnh đạo Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ áp dụng ngay từ đầu cho cả hệ thống phân loại (LCC = Library of Congress Classification) và hệ thống TĐĐM (LCSH) của họ. Theo nguyên tắc này, hệ thống TĐĐM không phải được xây dựng một cách lý thuyết dựa trên một hệ thống các từ mô tả toàn bộ kiến thức của nhân loại, mà được xây dựng một cách thực tiễn dựa trên các đề mục được đề cập đến trong các tài liệu, sách vở đã được viết ra và ấn hành, xuất bản. Điều này có nghĩa là trong hệ thống LCSH **không có** một TĐĐM nào không liên quan đến một tài liệu có trong sưu tập của Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ.

## 3. Nguyên Tắc Về Tiêu Đề Đồng Nhất (Uniform Heading)

Nguyên tắc này là nguyên tắc chính, cụ thể và quan trọng nhất hướng dẫn biên mục viên thiết lập TĐĐM. Theo nguyên tắc này mỗi một đề mục (hay đề tài) được giới thiệu với độc giả trong mục lục đề mục bằng **MỘT** TĐĐM duy nhất mà thôi. Trong ngành biên mục đề mục, một tiêu đề như thế được gọi là Uniform Heading = Tiêu Đề Đồng Nhất (TĐĐN). TĐĐN sẽ giúp cho mục lục đề mục làm tròn được chức năng tập hợp được tất cả tài liệu về một đề mục vào một chỗ trong mục lục. Để thiết lập được một TĐĐN như thế, biên mục viên phải lấy quyết định về 3 vấn đề: 1) về **Tên gọi (Name)** cho đề mục; 2) **Hình thức (Form)** cho tên gọi này, và, 3) **Thành phần mở đầu (hay dẫn tố = Entry element)** cho TĐĐM.

- **Tên gọi:** một đề tài có thể được gọi bằng nhiều tên khác nhau; có nhiều lý do cho sự khác biệt này như ý thích của tác giả, địa phương

tính, tiếng đồng nghĩa, từ dân gian và từ khoa học, từ tiếng Anh hay một ngôn ngữ khác, v.v... Biên mục viên phải quyết định chọn một tên thôi và thiết lập nó làm TĐĐM; tất cả các tên gọi kia sẽ được tham chiếu về TĐĐM (sẽ được đề cập chi tiết hơn ở phần Hệ Thống Tham Chiếu của LCSH). Thí dụ:

**Ethics** được chọn giữa những từ và cụm từ sau đây:  
Deontology, Ethology, Moral philosophy, Moral science, Morality và Morals (tr. 22)

**Liberty** được chọn giữa những từ đồng nghĩa (synonymous terms) sau đây: Emancipation, Freedom và Liberation (tr. 127)

Những từ đồng âm dị nghĩa được chọn làm TĐĐM sẽ được phân biệt với từ chỉ định (Qualifier) trong dấu ngoặc đơn. Thí dụ:

**Rings (Algebra)**

**Rings (Gymnastics)** (tr. 26)

Những từ lỗi thời cũng luôn luôn được thay thế bằng những từ đương thời được dùng nhiều hơn, để thể hiện tính cập nhật cho TĐĐM. Vì thế toàn bộ hệ thống LCSH luôn luôn được sửa chữa, thay đổi và tu chính.

- **Hình thức:** khi một tên gọi của một đề mục đã được chọn làm TĐĐM có thể được diễn tả bằng nhiều cách khác nhau, thí dụ như là một từ đơn, hay một cụm từ, hay một từ có kèm theo một từ chỉ định, hay một từ với tiểu phân mục, v.v..., biên mục viên cũng phải quyết định chọn một hình thức thôi. Thí dụ:

Surgical diagnosis hay Surgery—Diagnosis

Cookery (Shrimp) hay Cookery—Shrimp (tr. 22)

Cũng thuộc nguyên tắc này là sự lựa chọn các từ khác nhau về cách đánh vần (Spelling); LCSH chọn các từ viết theo lối Mỹ, thí dụ: **Catalog** chứ không dùng Catalogue; **Labor** chứ không dùng Labour (tr. 23)

- **Thành phần mở đầu (hay dẫn tố) :** khi một cụm từ đã được chọn làm TĐĐM có nhiều thành phần và các thành phần này đều có thể dùng làm thành phần mở đầu cho TĐĐM thì biên mục viên cũng phải quyết định chọn một thôi. Thí dụ:

Plants, Effect of light on

Effect of light on plants

Light on plants, Effect of (tr. 22)

## Hệ Thống Tiêu Phân Mục Của LCSH

LCSH có một hệ thống tiêu phân mục (Subdivisions; sau đây sẽ gọi tắt là TPM) rất đầy đủ để diễn tả tất cả những khía cạnh của một đề mục được bàn đến trong tài liệu. LCSH bao gồm tất cả 4 loại TPM: đề tài (topical), địa lý (geographical), thời gian (chronological), và hình thức (form)

### 1. Tiểu phân mục đề tài :

TPM đề tài được sử dụng để mô tả thêm những đề tài phụ (không thuộc về địa lý, thời gian hay hình thức) trong đề mục đã được chọn làm TĐĐM, thông thường là những diện (facets) của đề mục như là các quan niệm (concepts), phương pháp (methods), kỹ thuật (techniques).  
Thí dụ:

**France – Foreign relations**

**Hearts – Diseases**

**Physics – Research**

**Geology – Mathematics** (tr. 92)

### 2. Tiểu phân mục địa lý :

TPM địa lý được sử dụng khi khía cạnh địa lý của đề mục được trình bày rõ trong tài liệu. Trong LCSH chỉ có các TĐĐM có ghi chú (**May Subd Geog**) mới có thể áp dụng TPM địa lý. TPM địa lý có thể là tên của các lục địa (châu), các vùng bao gồm nhiều quốc gia, các quốc gia, các tỉnh bang hay tiểu bang (của các nước theo chế độ liên bang như Hoa Kỳ, Canada, Úc), và các thành phố. Có 2 lối áp dụng TPM địa lý: trực tiếp và gián tiếp. Trong lối trực tiếp, địa danh (thường là các địa danh chỉ các đại lục, các vùng hay quốc gia hoặc tỉnh / tiểu bang) được thêm vào ngay sau TĐĐM. Trong lối gián tiếp, địa danh (thường là tên các thành phố) chỉ được thêm vào sau tên của tỉnh (tiểu) bang hay tên của quốc gia. Thí dụ:

Trực tiếp:

**Music – Germany**

**Geology – Antarctica**

**Soil chemistry – Arctic regions** (tr. 94)

Gián tiếp:

**Architecture – Belgium – Flanders**

**Music – Austria – Vienna** (tr. 97)

### 3. Tiểu phân mục thời gian :



Khi một đề mục được trình bày trong tài liệu qua những giai đoạn lịch sử thì TPM thời gian sẽ được áp dụng. Các TPM thời gian này thay đổi tùy theo đề mục và tùy theo quốc gia. Thí dụ:

**France – History – 1789-**

**France – History – Revolution, 1789-1793**

**France – History – 1789-1915**

**France – History – 1789-1900** (tr. 102)

**Vietnam – History – 1858-1945**

**Vietnam – History – 1945-1975**

**Vietnam – History – 1975-** (trích từ mục lục trực tuyến của Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ)

**China – History – Ming dynasty, 1368-1644**

**Japan – History – Meiji period, 1868-1912** (tr. 104)

**Great Britain – Foreign relations – 1837-1901** (tr. 105)

**United States – Social life and customs – 1865-1918** (tr.

104)

#### 4. Tiểu phân mục hình thức :

TPM hình thức được sử dụng để mô tả hình thức của tài liệu hay cách sắp xếp của đề mục trong tài liệu. TPM hình thức có thể áp dụng cho bất cứ loại TĐĐM nào; các TPM hình thức thông dụng nhất là: **Bibliography, Congresses, Encyclopedias, Maps, Pamphlets, Periodicals, Pictorial works, Software.** Thí dụ:

**Art, Medieval – Congresses**

**Cosmology – Encyclopedias**

**Minorities – Massachusetts – Bibliography** (tr.

106)

Từ năm 1974, một số TPM đề tài và hình thức có thể được áp dụng một cách rộng rãi đã được tập hợp lại và chính thức gọi là TPM phù động tự do (Free-floating subdivisions, sau đây sẽ gọi tắt là TPMPĐTD). Có tất cả 6 loại TPMPĐTD này:

- TPMPĐTD đề tài và hình thức mang tính tổng quát
- TPMPĐTD dùng cho một số TĐĐM đặc thù
- TPMPĐTD dùng cho các TĐĐM về các Hạng Người và Các Nhóm Chủng Tộc
- TPMPĐTD đề tài và hình thức theo các TĐĐM Mẫu (Pattern Headings; các TĐĐM mẫu này được chỉ định rõ cho 5 loại đề mục: Tôn giáo, Sử Địa, Khoa học xã hội, Nghệ thuật, và Khoa học và Công nghệ)
- TPMPĐTD cho thời gian
- Các đề mục hay đề tài được xem như TPMPĐTD

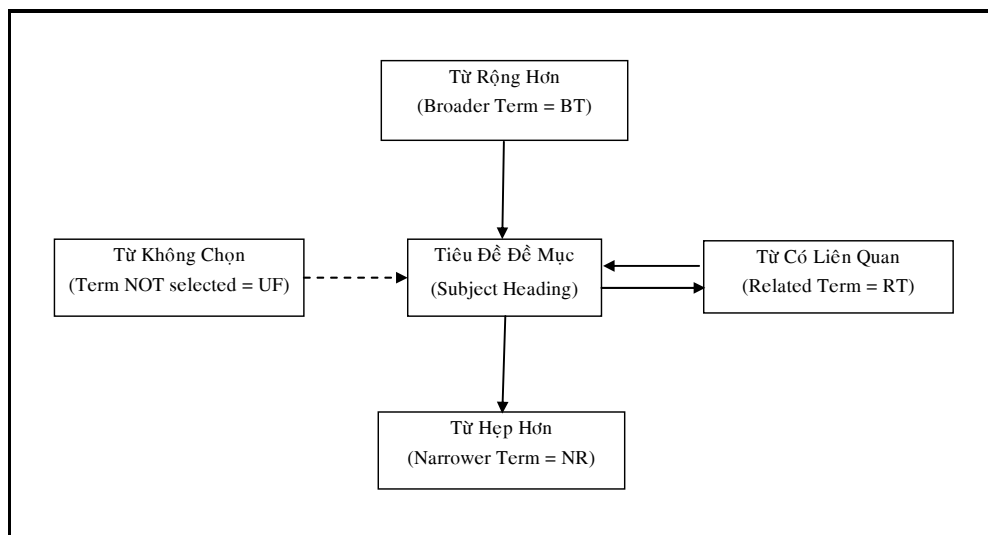
Các TPM phù động tự do này tương tự như các Tiểu Phân Mục Chung của Hệ Thống Phân Loại Thập Phân Dewey. Điều này khiến cho LCSH giảm bớt tính cách liệt kê (enumerative) và mang tính cách phân tích – tổng hợp (analytico-synthetic) nhiều hơn.

Vì có sự phân biệt của các loại TPM như thế và với khả năng có thể xảy ra là nhiều loại TPM có thể được sử dụng cùng một lúc cho một TĐĐM, vấn đề thứ tự gán ghép vào TĐĐM của các TPM phải được đặt ra. Tuy vấn đề này chưa được giải quyết hoàn toàn thỏa đáng, một cách tổng quát, LCSH hiện có chủ trương áp dụng 2 thứ tự như sau cho các TPM:

- Khi TĐĐM là một TĐĐM địa lý thì thứ tự của các TPM sẽ như sau:  
TĐĐM địa lý – TPM đề tài – TPM thời gian – TPM hình thức  
**England – Civilization – 17<sup>th</sup> century – Sources** (tr. 120)
- Khi TĐĐM là một TĐĐM đề tài thì thứ tự của các TPM sẽ như sau:  
TĐĐM đề tài – TPM địa lý – TPM thời gian – TPM hình thức  
**Nobility – Great Britain – History – 16<sup>th</sup> century – Sources** (tr. 120)

### Hệ Thống Tham Chiếu Của LCSH

Toàn bộ hệ thống tham chiếu của LCSH có thể được mô tả theo sơ đồ dưới đây:



Chú thích : UF = Chữ viết tắt cho Use For = Dùng Cho

Những từ không được chọn để thiết lập TĐĐM đều được tham chiếu về TĐĐM. Thí dụ:

### **Ethics**

**UF** Deontology  
Ethology  
Moral philosophy  
Moral science  
Morality  
Morals

### **Liberty**

**UF** Emancipation  
Freedom  
Liberation (tr. 127)

Các từ **UF** này đều có tham chiếu **USE** để hướng độc giả tìm đến TĐĐM đã được thiết lập; thí dụ:

Moral philosophy  
**USE Ethics**  
Freedom  
**USE Liberty**

Các tham chiếu **BT** và **NT** được sử dụng để liên kết các TĐĐM đã được thiết lập cho các đề mục có liên hệ đẳng cấp với nhau (hierarchical relationships): mỗi liên hệ này là mỗi liên hệ một chiều từ rộng đến hẹp, nghĩa là từ tổng quát đến cụ thể, nhằm giới thiệu độc giả đến những đề mục đặc thù hơn. Thí dụ:

### **Hand**

**BT** Arm  
**NT** Fingers  
Palm (Anatomy) (tr. 137)

### **Fingers**

**BT** Hand  
**NT** Finger joint  
Fingernails  
Thumb (tr. 137)

Các tham chiếu **RT** được sử dụng để liên kết các TĐĐM đã được thiết lập cho các đề mục có liên quan với nhau nhưng không phải là liên hệ đẳng cấp: mỗi liên hệ này là mỗi liên hệ song phương (hai chiều), nhằm giới thiệu độc giả đến những đề mục có liên hệ với đề mục mà độc giả đang truy cập. Thí dụ:

### **Religion**

**RT** Theology

### **Theology**

**RT** Religion (tr. 139)

### **Entomology**

**RT** Insects

### **Insects**

**RT** Entomology (tr. 140)

Ngoài các loại tham chiếu vừa kể trên, LCSH còn cung cấp một loại tham chiếu tổng quát gọi là SA (See Also) để giới thiệu độc giả đến những tập hợp TĐDM hoặc những tập hợp TPM có liên quan đến những đề mục mà độc giả đang truy cập. Thí dụ:

**Heart**

SA headings beginning with the words Cardiac or Cardiogenic (tr. 141)

**Abbreviations** (May Subd Geog)

SA subdivision Abbreviations under subjects, e.g. Associations, institutions, etc.—Abbreviations; Law -- Abbreviations (tr. 141)

Toàn bộ hệ thống tham chiếu của LCSH giúp cho độc giả có cơ hội khám phá được hết tất cả những TĐDM về những đề mục có liên quan chặt chẽ với nhau và nhờ vậy giúp cho độc giả (nhất là những người làm công tác nghiên cứu về bất cứ lãnh vực nào) có thể truy cập được tất cả những tài liệu trong sưu tập khổng lồ của Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ. Một thí dụ cụ thể được trình bày trong phần kế tiếp của bài viết này.

### Lợi Ích Thực Tiễn Của LCSH

Gần đây trong nước đã có những tranh luận nhằm so sánh hiệu quả của Từ Khóa (Keywords) và TĐDM trong việc truy tìm tài liệu, nhất là trong mục lục trực tuyến. “*Sự nhầm lẫn giữa Từ Khóa (Keywords) và Tiêu đề đề mục (Subject Headings) khiến không mấy ai thấy được tính ưu việt của Subject Headings trong hệ thống mục lục, lại càng không thể khai thác được tính ưu việt đó trong Online catalog.*”<sup>17</sup>

Sau đây là tóm lược bài viết của Tiến sĩ Thomas Mann, một người làm công tác tham khảo tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ, tác giả của 2 quyển sách tham khảo quan trọng sau đây: 1) *The Oxford Guide to Library Research* (Oxford University Press, 1998) và 2) *Library Research Models* (Oxford University Press, 1992).

Bài viết của Ông Thomas Mann, “Vietnam” in *Library of Congress Subject Headings*, có thể được truy cập trực tuyến tại URL sau đây : <http://www.leaf-vn.org/newsletter4.htm#Mann> ; có thể xem bản dịch Việt ngữ của bài viết này tại URL sau đây: <http://leaf-vn.org/Thomas-Mann-TDDM-UVN.html>

Bài viết cho thấy rõ tính ưu việt của LCSH trong việc giúp các nhà nghiên cứu tìm tài liệu về Việt Nam, hơn hẳn lối truy tìm bằng Từ Khóa đơn giản. Với Từ Khóa

“Vietnam” mạng Internet có thể giúp độc giả tìm được “*một điều gì đó = something*” (chữ something là trong nguyên tác của tác giả Mann). Với LCSH, độc giả sẽ được cung cấp một cái nhìn toàn diện được hệ thống hóa (a structured overview) của một chuỗi những lựa chọn về những đề mục có liên hệ đến “Việt Nam.” Tác giả liệt kê một số những lựa chọn đó như sau:

## **Vietnam**

- Antiquities
- Civilization
- Buddhist influence
- Chinese influence
- European influence
- Indic influence
- Western influence
- Description and travel
- Intellectual life
- Politics and government
- 1858-1945
- 20th century
- 1945-1975
- 1975-
- Vietnamese conflict, 1961-1975
- Vietnamese diaries
- Vietnamese literature
- Vietnamese reunification question (1954-1976)

## **Vietnam**

- History
- To 939
- Ba To Uprising, 1945
- Trung Sisters--Rebellion, 39-43
- 939-1428
- Dinh dynasty, 968-980
- Early Le dynasty, 980-1009
- Ly dynasty, 1010-1225
- Tran dynasty, 1225-1400
- Ho dynasty, 1400-1407
- Lam Son Uprising, 1418-1428

- Later Le dynasty, 1428-1787
- Mac dynasty, 1527-1592
- Insurrection, 1771-1802
- 1787-1858
- Tay Son dynasty, 1788-1802
- 19th century
- Nguyen dynasty, 1802-1945
- Le Van Khoi's Rebellion, 1833-1835
- 1858-1945
- Truong Dinh Uprising, 1862-1864
- Bay Thua Uprising, 1867-1873
- Yen The Uprising, 1884-1913
- 20th century
- August revolution, 1945
- 1945-1975
- 1975-
- Prophecies

## **Vietnam**

- Languages
- NT Bahnaric languages
- Biat language
- Bru language
- Central Muong language
- Chamic languages
- Eastern Mnong language
- Hre language
- Kadai languages
- Koho languages
- Laha language (Vietnam)
- Laqua language
- Maa dialect (Vietnam)
- Maa language (Southeastern Asia)
- Nguon language
- Northern Roglai dialect
- Puoc language
- Rade language
- Rengao language
- Roglai language

- Ruc language
- Sre dialect
- Yay language

## Kết Luận

Biên mục đề mục là một bộ phận công tác rất quan trọng của thư viện nhằm giới thiệu với độc giả nội dung của tài nguyên trong thư viện, giúp cho độc giả thấy được nội dung phong phú và đa dạng của tài liệu mà số phân loại không làm được. Hệ thống LCSH, ra đời đã hơn 100 năm nay, từ lâu đã được cộng đồng thư viện Bắc Mỹ xem như là một chuẩn phải theo khi làm biên mục đề mục cho tài liệu, nhất là trong cộng đồng thư viện đại học với những sưu tập thật to lớn, lên đến hàng triệu tài liệu. LCSH đã hình thành và phát triển dựa trên những nguyên tắc thiết lập TĐĐM đã trải qua thử thách của thời gian. Cộng đồng thư viện Việt Nam, trong tiến trình chuẩn hoá nghiệp vụ thư viện, đang tiến đến thực hiện một khung TĐĐM cho cả nước là một bước phát triển cần thiết và đúng hướng mà Hội Thư Viện Việt Nam đã vạch ra. Bài viết này mong được đóng góp một phần nhỏ vào tiến trình chuẩn hoá quan trọng đó cho Việt Nam.

## Ghi Chú:

1. Vinh-The Lam, “Library Development in Vietnam : Urgent Needs for Standardization,” trong *NIT '98 : 10<sup>th</sup> International Conference on New Information Technology, March 24-26, 1998, Hanoi, Vietnam : Proceedings / edited by Ching-chih Chen*. West Newton, Mass. : MicroUse Information, 1998. Tr. 141-148.
2. Lâm Vĩnh Thế [Phạm Thị Lệ-Hương, dịch giả], “Vấn đề phát triển thư viện tại Việt Nam : chuẩn hóa là điều khẩn thiết nhất,” bài dịch của bài thuyết trình ở ghi chú số 1; có thể truy cập trực tuyến tại URL sau đây: <http://www.leaf-vn.org/StandardizationUVN.htm>
3. Vinh-The Lam, “Issues in Library Development for Vietnam,” *Asian Libraries*, v.8, no. 10 (Dec. 1999), tr. 371-379.
4. Vinh-The Lam, “A National Library Association for Vietnam,” *New Library World*, v. 102, no. 1166/1167 (July 2001), tr. 278-282.
5. Phạm Thị Lệ-Hương, “Lớp huấn luyện sử dụng bộ Quy Tắc Biên Mục Anh-Mỹ Rút Gọn 1988 tại Việt Nam hè 2004 (do Thư Viện Quốc Gia, Liên Hiệp Các Thư Viện Đại Học Phía Bắc và Hội LEAF-VN tổ chức, tháng 7 và 8 năm 2004)”; có thể truy cập trực tuyến tại URL sau đây: <http://www.leaf-vn.org/Training-2004-e.html>
6. *Khổ mẫu MARC 21 cho dữ liệu thư mục : hướng dẫn áp dụng định danh nội dung*. Hà Nội : Trung Tâm Thông Tin Khoa Học và Công Nghệ Quốc Gia, 2004. (2 tập)

7. *Khung phân loại thập phân Dewey và bảng chỉ mục quan hệ* / Melvil Dewey sáng tác ; biên tập : Joan S. Mitchell [và những người khác] ; biên dịch : Nguyễn Thị Huyền Dân [ và những người khác] ; biên tập và hiệu đính : Vũ Văn Sơn. Ấn bản 14. Hà Nội : Thư Viện Quốc Gia Việt Nam, 2006. (1067 tr.)
8. Nguyễn Minh Hiệp, “Vấn đề Định chủ đề trong ngành biên mục hiện nay,” *Bản tin thư viện – công nghệ thông tin*, số Tháng 5/2008, tr. 2; có thể truy cập trực tuyến tại URL sau đây: <http://www.glib.hcmuns.edu.vn/bantin/bt508/bai1.pdf>
9. Vinh-The Lam, “Quality Control Issues in Outsourcing Cataloging in United States and Canadian Academic Libraries,” *Cataloging & Classification Quarterly*, v. 40, no. 1 (2005), tr. 101-122. Tại tr. 113, tác giả viết như sau: “*The number of academic libraries in the U.S. and Canada that outsourced their cataloging function has jumped from 33 in 1997 to 53 in 2003.*”
10. Nguyễn Minh Hiệp, tài liệu đã dẫn, tr. 6.
11. Lê Ngọc Oánh, “Cần phải đào tạo thật kỹ các cán bộ thư viện phụ trách công tác thiết lập tiêu đề đề mục trong các thư viện,” *Bản tin thư viện – công nghệ thông tin*, số Tháng 5/2008, tr. 10; có thể truy cập trực tuyến tại URL sau đây: <http://www.glib.hcmuns.edu.vn/bantin/bt508/bai2.pdf>
12. Nguyễn Minh Hiệp, tài liệu đã dẫn, tr. 7.
13. Phạm Thị Lệ-Hương, “Số Dewey, số Cutter, số tác phẩm, số hiệu là gì ?”; có thể truy cập trực tuyến tại URL sau đây: <http://leaf-vn.org/Cutter-Dewey-4-25-2003.pdf>
14. *Statement of International Cataloguing Principles, April 10, 2008 version*; có thể truy cập trực tuyến tại URL sau đây: [http://www.ifla.org/VII/s13/icc/imeicc-statement\\_of\\_principles-2008.pdf](http://www.ifla.org/VII/s13/icc/imeicc-statement_of_principles-2008.pdf)  
Ở tr. 4, Mục số 3 Functions of the Catalogue, Đoạn 3.1.2, ghi như sau:  
*3.1.2. to locate sets of resources representing [...] all resources on a given subject*
15. Lopes, Maria Ines, *Principles Underlying Subject Heading Languages : An International Approach*, Proceedings of the 61<sup>st</sup> IFLA General Conference, 20-25 August, 1995; có thể truy cập trực tuyến tại URL sau đây: <http://www.ifla.org/IV/ifla61/61-lop.htm>
16. Chan, Lois Mai, *Library of Congress Subject Headings : Principles and Application*, 4<sup>th</sup> ed. Westport, Conn. : Libraries Unlimited, 2005. Tr. 17-34.
17. “Keywords và Subject Headings (Từ khóa và Tiêu đề đề mục)”; có thể truy cập trực tuyến tại URL sau đây: <http://gralib.hcmuns.edu.vn:7778/images/PDF/8-98-4.pdf>